

## V. QUY TẮC BẢO HIỂM BẢO LÃNH VAY CÁ NHÂN

### Điều 1 (Lập Hợp đồng bảo hiểm bảo lãnh)

- ① Một hợp đồng bảo hiểm bảo lãnh sẽ được lập dựa trên Giấy yêu cầu cấp Đơn bảo hiểm bảo lãnh của Bên mua bảo hiểm và sự chấp thuận của công ty bảo hiểm bảo lãnh (thuật ngữ “Hợp đồng bảo hiểm” sau đây sẽ được gọi là “Hợp đồng”, “Bên mua bảo hiểm bảo lãnh” là “Bên mua bảo hiểm”, “Công ty bảo hiểm bảo lãnh” là “Công ty”)
- ② Bất kỳ đơn và chấp thuận của Hợp đồng phải được làm thành văn bản. Công ty chấp nhận Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh từ Bên mua bảo hiểm thông qua việc cấp Đơn bảo hiểm bảo lãnh cho Bên mua bảo hiểm.
- ③ Công ty có thể, sau khi nhận được Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh, từ chối Giấy yêu cầu hoặc đề nghị Bên mua bảo hiểm cung cấp tài sản thế chấp và/hoặc nhận bảo lãnh sau khi xác định các chi tiết về trách nhiệm được bảo lãnh bởi Công ty, tình trạng tài sản của Bên mua bảo hiểm, khả năng thực hiện hợp đồng xếp hạng tín dụng, v.v. (thẩm định hợp đồng)
- ④ Trong trường hợp, trước thời điểm Công ty chấp nhận, Bên mua bảo hiểm đặt cọc bất kỳ khoản tiền nào tương đương với phí bảo hiểm cho Công ty, Bên mua bảo hiểm sẽ đóng phí bảo hiểm bằng số tiền đã đặt cọc trước nếu Công ty chấp nhận Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh, theo đó ký kết Hợp đồng. Nếu Công ty từ chối Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh, Công ty sẽ phải ra thông báo từ chối và trả cho người nộp đơn khoản tiền đã đặt cọc với Công ty.
- ⑤ Nếu một hợp đồng đã ký kết được gia hạn hoặc sửa đổi, Công ty có thể gia hạn hoặc sửa đổi ngay trên Đơn bảo hiểm bảo lãnh mà không cần cấp Đơn bảo hiểm bảo lãnh mới.

### Điều 2 (Nghĩa vụ bàn giao Quy tắc bảo hiểm và Nghĩa vụ giải thích, v.v)

- ① Sau khi nhận được Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh từ Bên mua bảo hiểm, Công ty sẽ chuyển giao Quy tắc bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm cùng với Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh để người đó giữ (một bản sao của Giấy yêu cầu bảo hiểm) và giải thích các nội dung quan trọng của Quy tắc bảo hiểm với điều kiện, Công ty có thể thực hiện việc giao và giải thích này bằng bất kỳ phương thức sau đây trong trường hợp một hợp đồng bảo hiểm bảo lãnh được giao kết bằng phương tiện truyền thông, như điện thoại, thư điện tử, máy tính, v.v, tùy theo sự chấp thuận của Bên mua bảo hiểm:
  1. Chuyển giao Quy tắc bảo hiểm hoặc Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh cho Bên mua bảo hiểm giữ (bản sao của Giấy yêu cầu bảo hiểm) bằng phương tiện ghi chép hiển thị, thư điện tử, hoặc các hình thức điện tử khác. Trong các trường hợp đó, Bên mua bảo hiểm sẽ được coi là đã nhận được Quy tắc bảo hiểm hoặc Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh (bản sao Giấy yêu cầu bảo hiểm), khi các tài liệu đó đã được chuyển đến Bên mua bảo hiểm hoặc đại diện của Bên mua bảo hiểm.
  2. Đăng tải trên chợ điện tử, là quầy bán hàng ảo được thiết lập dành cho các giao dịch bảo hiểm bảo lãnh thông qua một hệ thống máy tính, hoặc cung cấp Quy tắc bảo hiểm và các chú thích (các tài liệu

giải thích các điều khoản quan trọng của Quy tắc bảo hiểm) thông qua hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử được thiết lập giữa Công ty và Người được bảo hiểm (dưới đây gọi là “Hệ thống EDI”) để Bên mua bảo hiểm đọc hoặc tải về. Trong các trường hợp đó, Quy tắc bảo hiểm sẽ được coi như đã được chuyển giao và giải thích tới Bên mua bảo hiểm nếu Bên mua bảo hiểm xác nhận việc đọc hoặc tải về của các tài liệu đó.

3. Hỏi các câu hỏi về, hoặc giải thích qua điện thoại các vấn đề cần thiết cho việc giao kết Hợp đồng, như các chi tiết về Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh, trả phí bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm, nghĩa vụ thông báo trước khi thực hiện Hợp đồng, và các Điều khoản quan trọng của Quy tắc bảo hiểm. Trong các trường hợp đó, các điều khoản quan trọng của Quy tắc bảo hiểm được coi như là đã được giải thích nếu việc trả lời và xác nhận của Bên mua bảo hiểm đã được ghi lại bằng hệ thống ghi âm.

② Một Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh nộp bởi Bên mua bảo hiểm và Quy tắc bảo hiểm được gửi cho Bên mua bảo hiểm bởi Công ty phù hợp với Khoản ① sẽ cấu thành Hợp đồng bảo hiểm.

③ Công ty phải, theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm, gửi Quy tắc bảo hiểm hoặc Đơn bảo hiểm bảo lãnh theo Khoản ① đến Người được bảo hiểm.

### **Điều 3 (Bắt đầu được bảo hiểm bởi Công ty)**

① Công ty được coi như đã chấp nhận Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh vào ngày được ghi trong Đơn bảo hiểm bảo lãnh mà Công ty phát hành cho Bên mua bảo hiểm.

② Công ty sẽ cấp Đơn bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm như quy định trong Quy tắc bảo hiểm kể từ thời điểm Công ty chấp nhận Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh và nhận được phí bảo hiểm.

### **Điều 4 (Rút Giấy yêu cầu)**

Trước khi Công ty chấp nhận Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh, Bên mua bảo hiểm có thể rút Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh, sau khi tiếp nhận được việc rút giấy yêu cầu, Công ty sẽ hoàn trả lại tiền đặt cọc cho Bên mua bảo hiểm và không bao gồm khoản lãi suất nào.

### **Điều 5 (Sửa đổi Quy tắc bảo hiểm Các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng, v.v)**

① Bên mua bảo hiểm có thể sửa đổi Các điều khoản và điều kiện sau của Hợp đồng với sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty và sự đồng ý bằng văn bản của Người được bảo hiểm. Trong trường hợp này, việc chấp thuận sửa đổi của Các điều khoản và điều kiện sẽ được thông báo riêng bằng văn bản bởi Công ty hoặc bằng các ghi nhận sự thay đổi trên mặt sau của Đơn bảo hiểm bảo lãnh:

1. Thời hạn bảo hiểm;

2. Các nội dung khác của Hợp đồng, bao gồm Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, và số tiền bảo hiểm.

② Nếu Bên mua bảo hiểm có ý định giảm số tiền bảo hiểm quy định tại Điều 2 Khoản ① của điều này với sự đồng ý bằng văn bản của Người được bảo hiểm, Công ty sẽ coi phần giá trị giảm của Hợp đồng đã được chấm dứt, và nếu có các khoản phí bảo hiểm được trả lại cho Bên mua bảo hiểm như kết quả kéo theo của việc giảm số tiền bảo hiểm, Công ty sẽ hoàn trả khoản phí đó cho Bên mua bảo hiểm theo quy định tại Điều 15 (Hoàn trả phí bảo hiểm).

### **Điều 6 (Các tổn thất được bảo hiểm)**

Công ty, căn cứ theo các điều khoản của Đơn bảo hiểm bảo lãnh và Quy tắc bảo hiểm, sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với những tổn thất phải chịu do Bên mua bảo hiểm không hoàn thành nghĩa vụ của mình (chỉ bao gồm những nghĩa vụ xảy ra trong Thời hạn bảo hiểm) theo Hợp đồng vay được xác định trong Đơn bảo hiểm bảo lãnh (sau đây gọi là “Hợp đồng cơ sở”)

---

<Định nghĩa> “Hợp đồng vay” là (các) hợp đồng, bất kể tên gọi là gì, thỏa thuận rằng Người được bảo hiểm, Người có quyền, chuyển giao (cho vay, cho mượn, v.v) tiền cho **Bên** mua bảo hiểm, Người có nghĩa vụ, và **Bên** mua bảo hiểm sẽ phải trả lại tiền khi đến hạn.

---

### **Điều 7 (Thanh toán Tiền bồi thường)**

① Thiệt hại mà Công ty chịu trách nhiệm bồi thường (sau đây gọi là “Thiệt hại được bồi thường”) là khoản tiền chưa thu hồi được tại thời điểm ghi trong Hợp đồng cơ sở. Tuy nhiên, trong trường hợp, có các điều khoản trong Hợp đồng cơ sở liên quan đến việc Bên mua bảo hiểm không hoàn thành nghĩa vụ, như chấm dứt thanh toán và/hoặc bồi thường tổn thất xảy ra do chậm thanh toán, các điều khoản đó sẽ được ưu tiên áp dụng.

② Trong phạm vi số tiền bảo hiểm, Công ty sẽ trả tiền bồi thường như sau:

- Thiệt hại được bồi thường x Tỷ lệ bồi thường

---

<Định nghĩa> “Tỷ lệ bồi thường” là tỉ lệ phần trăm của thiệt hại phát sinh bởi sự kiện tổn thất mà Người được bảo hiểm có quyền đòi bồi thường

---

③ Chi tiết về Thiệt hại được bồi thường và tiền bồi thường có thể được quy định trong Thỏa thuận toàn diện đã được ký kết theo Điều 9 (Ký kết Thỏa thuận toàn diện)

### **Điều 8 (Thiệt hại không được bồi thường)**

Công ty sẽ không bồi thường cho bất kỳ thiệt hại nào xảy ra từ bất kỳ những nguyên nhân nào dưới đây:

1. Những nguyên nhân mà Người được bảo hiểm (và nếu Người được bảo hiểm là một công ty, sẽ bao gồm cả các giám đốc hoặc bất kỳ định chế nào thực hiện hoạt động kinh doanh của công ty) hoặc người đại diện của họ phải chịu trách nhiệm;
2. Không thực hiện được nghĩa vụ do chiến tranh, cách mạng, nội chiến, sự cố, khủng bố, bạo loạn, bạo động hoặc bất kỳ các tai nạn khác tương tự;

3. Không thực hiện được nghĩa vụ do thiên tai như động đất, núi lửa, bão, sóng thần hay bất kỳ thiên tai tự nhiên tương tự khác;

4. Phóng xạ, nổ hay các yếu tố nguy hại khác của các nhiên liệu hạt nhân (bao gồm nhiên liệu đã qua sử dụng) hay các vật liệu nhiễm nguyên liệu phóng xạ (bao gồm cả sản phẩm hạt nhân), hoặc bất kỳ tai nạn nào gây ra bởi những yếu tố này ngăn cản Bên mua bảo hiểm thực hiện nghĩa vụ của mình.

### **Điều 9 (Ký kết Thỏa thuận toàn diện)**

① Nhằm phục vụ mục đích thực hiện có hiệu quả Hợp đồng này, Công ty và Người được bảo hiểm có thể giao kết và thực hiện một Thỏa thuận toàn diện quy định về tiêu chuẩn của Bên mua bảo hiểm, cách thức thanh toán phí bảo hiểm, nghĩa vụ thông báo, phân chia tỷ lệ bồi thường, sự kiện tổn thất, cách thức chuyển giao quyền, duy trì Thỏa thuận toàn diện, phạt vi phạm, v.v.

② Công ty sẽ không bồi thường bất kỳ một thiệt hại nào xảy ra hoặc bị tác động do nguyên nhân vi phạm bất cứ quy định nào quy định trong Thỏa thuận toàn diện bởi chính Người được bảo hiểm như nêu tại Khoản ①.

### **Điều 10 (Tiền tệ và tỷ giá hối đoái)**

① Đơn vị tiền tệ của Hợp đồng sẽ là đơn vị tiền được ghi trên Đơn Bảo hiểm bảo lãnh; với điều kiện rằng trừ khi luật Việt Nam cho phép Bên mua bảo hiểm chuyển ngoại tệ cho Người được bảo hiểm (ví dụ, việc chuyển tiền ra nước ngoài là cần thiết để thực hiện các gói thầu quốc tế, và, đấu thầu trong lĩnh vực dầu khí), đơn vị tiền tệ của Hợp đồng sẽ là Đồng Việt Nam.

② Nếu đơn vị tiền tệ của Hợp đồng là ngoại tệ thuộc các trường hợp tại Khoản ① Điều 10 nêu trên, và Bên mua bảo hiểm muốn xác định khoản nợ bằng Việt Nam Đồng và Người được bảo hiểm muốn nhận khoản tiền bồi thường bằng Việt Nam Đồng, tỷ giá bán ra niêm yết đầu ngày bởi Ngân hàng cơ sở của Chi nhánh Công ty bảo hiểm bảo lãnh Seoul tại Hà Nội vào ngày thanh toán khoản tiền bồi thường sẽ được áp dụng như tỷ giá hối đoái.

③ Nếu đơn vị tiền tệ của Hợp đồng là ngoại tệ thuộc các trường hợp tại Khoản ① Điều 10 nêu trên, và Bên mua bảo hiểm muốn trả và hoàn trả phí bảo hiểm bằng Việt Nam Đồng, tỷ giá hối đoái sau sẽ áp dụng:

1. Nhận phí bảo hiểm: Tỷ giá bán niêm yết đầu ngày bởi ngân hàng giao dịch chính của Chi nhánh Công ty bảo hiểm bảo lãnh Seoul tại Hà Nội vào ngày thanh toán phí bảo hiểm (trường hợp liên quan đến trả phí bảo hiểm làm nhiều lần, ngày trả từng đợt, và trường hợp liên quan đến sửa đổi Hợp đồng, ngày thanh toán của khoản phí bổ sung, nếu được áp dụng).

2. Hoàn lại phí bảo hiểm: Tỷ giá bán niêm yết đầu ngày bởi ngân hàng giao dịch chính của Chi nhánh Công ty bảo hiểm bảo lãnh Seoul tại Hà Nội vào ngày hoàn lại phí bảo hiểm, tỷ giá đó sẽ được áp dụng cho khoản tính bằng việc trừ đi phí bảo hiểm kiếm được một khoản bằng phí bảo hiểm gốc bằng đơn vị ngoại tệ.

④ Nếu không có tỷ giá hối đoái được công bố vào bất kỳ ngày nào được quy định tại Khoản ①, Khoản ②, Khoản ③, tỷ giá hối đoái cuối cùng của ngày liền trước của ngày nhận hoặc trả lại, nếu có, sẽ được áp dụng, và nếu không có tỷ giá hối đoái được niêm yết cho ngoại tệ hoặc khó áp dụng tỷ giá hối đoái, Công ty có thể sử dụng đồng ngoại tệ khác cho mục đích chuyển đổi, hoặc sử dụng tỷ giá hối đoái khác theo lựa chọn của Công ty.

### **Điều 11 (Nghĩa vụ thông báo trước khi giao kết Hợp đồng)**

Tại thời điểm nộp Giấy yêu cầu, Bên mua bảo hiểm hoặc người đại diện của Bên mua bảo hiểm phải cung cấp thông tin như yêu cầu trong mẫu giấy yêu cầu (bao gồm cả bảng câu hỏi) một cách trung thực và chính xác.

### **Điều 12 (Nghĩa vụ thông báo sau khi giao kết Hợp đồng)**

① Nếu một trong những sự kiện dưới đây xảy ra sau khi Hợp đồng được giao kết, Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm phải thông báo ngay lập tức cho Công ty bằng văn bản:

1. Khi có ý định thay đổi bất kỳ thông tin nào ghi trong Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo lãnh hoặc nhận ra đã có sự thay đổi như vậy;
2. Thay đổi Bên mua bảo hiểm;
3. Thay đổi Người được bảo hiểm;
4. Các vấn đề có tác động quan trọng đến nghĩa vụ của Công ty trong việc trả tiền bồi thường, như mức bảo hiểm, thời hạn, v.v trong Hợp đồng cơ sở.

② Khi nhận được thông báo thay đổi từ Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm theo quy định tại Khoản ①, Công ty phải quyết định xem có chấp nhận những thay đổi đó hay không trong vòng 1 tháng, và theo đó có thể yêu cầu một khoản phí bảo hiểm bổ sung hoặc hoàn trả phí bảo hiểm đã nhận được.

③ Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm phải chịu mọi tổn thất xảy ra do không thông báo như quy định tại Khoản ①.

④ Nếu Bên mua bảo hiểm đã thay đổi địa chỉ hay thông tin liên lạc, Bên mua bảo hiểm phải thông báo ngay lập tức cho Công ty: với điều kiện, trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không gửi thông báo đó, thông báo bằng văn bản mà Công ty gửi đến địa chỉ mới nhất của Bên mua bảo hiểm hoặc theo thông tin liên lạc đã cung cấp trước đây cho Công ty sẽ được coi như là đã được chuyển tới Bên mua bảo hiểm khi thời hết thời hạn yêu cầu tổng đạt.

### **Điều 13 (Chấm dứt Hợp đồng)**

Bên mua bảo hiểm, với sự đồng ý bằng văn bản của Người được bảo hiểm, có thể chấm dứt hợp đồng bất kỳ lúc nào trước khi có tổn thất-xảy ra.

### **Điều 14 (Hủy bỏ Hợp đồng)**

Hợp đồng sẽ mất hiệu lực và không được thi hành nếu có một sự kiện tổn thất đã xảy ra trước khi Hợp đồng được giao kết

### **Điều 15 (Hoàn phí Bảo hiểm)**

① Công ty sẽ trả lại phí bảo hiểm nếu một trong những sự kiện sau xảy ra liên quan đến Hợp đồng:

1. Hợp đồng bị vô hiệu;
2. Bên mua bảo hiểm chấm dứt Hợp đồng trước khi tổn thất xảy ra, bằng cách có được sự đồng ý của Người được bảo hiểm, hoặc chứng minh rằng nghĩa vụ của Công ty không còn nữa;
3. Hợp đồng cơ sở không được giao kết, ngay cả khi Bên mua bảo hiểm đã được cấp Đơn bảo hiểm bảo lãnh từ Công ty.

② Bên mua bảo hiểm phải nộp Đơn bảo hiểm bảo lãnh và các tài liệu thể hiện lý do của việc hoàn phí như quy định tại Khoản ① khi yêu cầu hoàn phí bảo hiểm; với điều kiện trong trường hợp Người được bảo hiểm cản trở việc nộp lại Đơn bảo hiểm bảo lãnh, Bên mua bảo hiểm được miễn không phải nộp lại Đơn bảo hiểm bảo lãnh.

③ Khoản phí bảo hiểm mà Công ty sẽ hoàn trả được tính toán bằng cách trừ khoản phí được hưởng (hoặc khoản phí tối thiểu, nếu khoản phí bảo hiểm tối thiểu lớn hơn khoản phí thu được) từ khoản phí bảo hiểm đã đóng. Với điều kiện, trong trường hợp tại Điểm 3 Khoản ①, khoản phí bảo hiểm tối thiểu sẽ được trừ.

④ Phí được hưởng được quy định tại Khoản ③ sẽ được tính như sau:

1. Nếu Hợp đồng bị chấm dứt vì nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm trong Hợp đồng cơ sở không còn tồn tại: được tính tỷ lệ theo ngày, kể từ ngày bắt đầu của thời hạn bảo hiểm đến ngày kết thúc nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm;
2. Nếu Hợp đồng bị chấm dứt vì những lý do khác hoặc Hợp đồng bị vô hiệu: được tính tỷ lệ theo ngày, kể từ ngày bắt đầu của thời hạn bảo hiểm đến ngày nhận được tài liệu yêu cầu hoàn trả phí bảo hiểm.

⑤ Trong trường hợp tổn thất xảy ra, phí bảo hiểm sẽ không được hoàn lại.

### **Điều 16 (Chuyển nhượng)**

Công ty không bị ràng buộc với bất kỳ chuyển nhượng nào liên quan đến các vấn đề của Hợp đồng nếu không có sự đồng ý của Công ty bằng văn bản, trường hợp Công ty chấp thuận bằng văn bản, quyền và nghĩa vụ phát sinh theo Hợp đồng sẽ được coi là đã được chuyển nhượng đồng thời.

### **Điều 17 (Chuyển nhượng hoặc Cung cấp bảo đảm đối với quyền yêu cầu thanh toán)**

Quyền yêu cầu thanh toán của Người được bảo hiểm theo Hợp đồng, sẽ không được chuyển nhượng, hay được dùng làm tài sản bảo đảm cho một bên thứ 3 mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Công ty.

#### **Điều 18 (Thông báo và Đánh giá thiệt hại)**

① Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm phải thông báo ngay lập tức cho Công ty, khi phát hiện một sự kiện tổn thất đã xảy ra, về sự việc và phối hợp với Công ty giám định tổn thất theo yêu cầu của Công ty.

② Nếu Người được bảo hiểm không thông báo hoặc không hợp tác trong việc giám định tổn thất theo quy định tại Khoản ① mà không có lý do hợp lý và khiến tổn thất nghiêm trọng hơn, Công ty sẽ không bồi thường cho phần tổn thất tăng thêm đó.

#### **Điều 19 (Nghĩa vụ ngăn chặn và Giảm thiểu tổn thất)**

① Trong trường hợp có tổn thất, Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm phải cố gắng ngăn chặn và giảm thiểu tổn thất.

② Nếu Người được bảo hiểm lãng tránh việc thực hiện nghĩa vụ như quy định tại Khoản ① một cách cố ý hoặc do câu thả, phần thiệt hại đáng lẽ có thể tránh được hoặc giảm thiểu sẽ được trừ khỏi khoản tiền bồi thường.

③ Khoản tiền cần thiết mà Người được bảo hiểm, với sự đồng ý của Công ty, sử dụng để ngăn chặn hoặc giảm thiểu tổn thất như quy định tại Khoản ① sẽ được hoàn trả bởi Công ty, ngay cả khi khoản tiền này vượt quá số tiền bảo hiểm.

#### **Điều 20 (Yêu cầu tiền bồi thường)**

① Khi Người được bảo hiểm yêu cầu thanh toán tiền bồi thường, Người được bảo hiểm phải nộp cho Công ty các tài liệu sau:

1. Một giấy yêu cầu thanh toán;
2. Các tài liệu xác minh tư cách Người được bảo hiểm;
3. Đơn bảo hiểm bảo lãnh hoặc một bản sao Đơn bảo hiểm bảo lãnh;
4. Các tài liệu chứng minh tổn thất;
5. Các tài liệu khác yêu cầu bởi Công ty

② Nếu Người được bảo hiểm chuyển các tài liệu được yêu cầu thông qua hệ thống EDI hoặc thông qua các cách thức khác, Công ty sẽ coi như Người được bảo hiểm đã nộp các tài liệu đó phù hợp với Điểm 1 đến Điểm 3 của Khoản ①.

③ Khi nhận được yêu cầu thanh toán tiền bồi thường như quy định tại Khoản ①, Công ty phải ngay lập tức quyết định khoản tiền bồi thường sẽ trả, và phải thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày khoản tiền bồi thường được xác định.

④ Khi Công ty không trả khoản tiền bồi thường trong vòng 15 ngày kể từ khi khoản tiền bồi thường được xác định theo Khoản ③, Công ty phải thanh toán lãi chậm trả với mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán, cho khoản thời gian từ ngày thanh toán chậm cho đến ngày tiền bồi thường được trả, miễn là, nếu bất cứ quy định cụ thể nào khác ghi trong Đơn bảo hiểm bảo lãnh theo yêu cầu của Người được bảo hiểm hoặc Bên mua bảo hiểm thì các bên sẽ áp dụng các quy định đó.

### **Điều 21 (Thời hiệu yêu cầu)**

Thời hiệu yêu cầu bồi thường là một năm kể từ ngày xảy ra sự kiện tổn thất.

### **Điều 22 (Quyền thu hồi nợ và Thế quyền)**

① Nếu Công ty trả tiền bồi thường (bao gồm cả thanh toán bằng hiện vật) cho Người được bảo hiểm, khi không có quy định khác, Công ty sẽ có quyền yêu cầu hoàn trả khoản bồi thường đối với Bên mua bảo hiểm, và trong phạm vi lợi ích của Người được bảo hiểm không bị ảnh hưởng bất lợi, Công ty được thế quyền với bất cứ quyền yêu cầu nào mà Người được bảo hiểm có thể có đối với Bên mua bảo hiểm.

② Khi Bên mua bảo hiểm chậm thanh toán các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản ①, Bên mua bảo hiểm phải chịu mọi tổn thất xảy ra do việc chậm trễ cũng như các loại phí sau:

1. Chi phí cho việc duy trì, chuyển giao và thực hiện quyền thu hồi nợ hay các yêu cầu thế quyền;
2. Chi phí điều tra, thu thập và xử lý tài sản bảo đảm;
3. Chi phí tố tụng tòa án, chi phí pháp lý cho việc duy trì yêu cầu duy trì (bao gồm cả việc thu hồi), thực hiện yêu cầu, và chi phí cho việc điều tra tài sản của Bên mua bảo hiểm;
4. Các chi phí khác mà Bên mua bảo hiểm phải chịu theo luật và các thỏa thuận khác.

③ Khoản tổn thất phải chịu do chậm thực hiện quy định tại Khoản ② sẽ được tính bằng cách nhân khoản tiền bồi thường trả bởi Công ty với tỷ lệ lãi tương đương 150% lãi suất áp dụng theo Hợp đồng cơ sở, đối với toàn bộ khoảng thời gian kể từ ngày sau ngày trả tiền bồi thường bởi Công ty cho đến ngày các khoản chưa thanh toán được hoàn trả đầy đủ.

### **Điều 23 (Thứ tự bồi hoàn v.v)**

① Nếu một khoản được Bên mua bảo hiểm trả hoặc một khoản mà Công ty đã thu hồi thông qua việc thực hiện các quyền với tài sản bảo đảm, khấu trừ hoặc thu hồi trả nợ không đủ để hoàn trả đầy đủ cho khoản nợ của Bên mua bảo hiểm, việc trả nợ sẽ được áp dụng theo thứ tự chi phí, tiền bồi thường (tiền nợ gốc), và lãi suất.



② Nếu có nhiều hơn một khoản nợ được trả và khoản đã thu hồi không đủ để trả cho khoản nợ của Bên mua bảo hiểm, các quy định và luật có liên quan sẽ áp dụng để điều chỉnh khoản thu hồi thông qua xử lý bắt buộc, thi hành quyền với tài sản bảo đảm, v.v.

③ Nếu có nhiều hơn một khoản nợ được trả và Khoản ② không được áp dụng, việc hoàn trả sẽ được thực hiện theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm, với điều kiện, nếu việc đó ngăn cản việc bảo vệ quyền thu hồi nợ của Công ty, Công ty có thể ngay lập tức phản đối và thay đổi yêu cầu hoàn trả với việc cân nhắc xem liệu đã có biện pháp bảo đảm bằng hiện vật hay bảo lãnh nào được thực hiện hay chưa, liệu việc thu hồi nợ có bị giới hạn bởi vấn đề thời hạn hay không, v.v.

#### **Điều 24 (Xử lý tài sản bảo đảm)**

Khi Công ty trả tiền bồi thường, tài sản bảo đảm được nộp bởi người cung cấp tài sản bảo đảm sẽ bị xử lý theo thủ tục pháp lý được áp dụng và hợp đồng xác lập giao dịch bảo đảm đó. Tuy nhiên, Công ty có thể xử lý tài sản bảo đảm bằng cách thức, thời gian và giá cả mà Công ty thấy hợp lý, với điều kiện là giá của tài sản bảo đảm được xác định trên cơ sở trao đổi hay bằng cách thức khác mà Công ty mong muốn để nhận được điều kiện thuận lợi cho việc xử lý, và Công ty có thể áp dụng phương pháp tính số dư ròng sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản vào số tiền thu được từ việc xử lý nhằm thu hồi nợ.

#### **Điều 25 (Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp)**

Quy tắc bảo hiểm này sẽ được điều chỉnh và giải thích phù hợp với luật Việt Nam, bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc có liên quan đến Quy tắc bảo hiểm này sẽ được đưa ra và giải quyết sau cùng bởi Tòa án Nhân dân có thẩm quyền tại thành phố Hà Nội.